



第 13 課

I

Thể quá khứ thông thường

+ ら、～

V た／V なかった

A かった／A くなかった

A だった

N だった

nếu..., giả sử...

使い方：

- thêm chữ ら ở thể quá khứ thông thường của động từ, tính từ... thì sẽ biến mệnh đề đứng trước nó thành mệnh đề biểu hiện điều kiện.
- có thể dùng khi người nói muốn bày tỏ lập trường, ý kiến, yêu cầu, lời mời... của mình trong điều kiện đó.



- ① お金^{かね}が あ^{りよう}ったら、旅行します。
Nếu có tiền tôi sẽ đi du lịch.
- ② 時間^{じかん}が な^みかったら、テレビを 見ません。
Nếu không có thời gian tôi sẽ không xem ti vi.
- ③ 安^{やす}かったら、パソコンを 買^かいたいです。
Nếu rẻ tôi muốn mua 1 cái máy tính cá nhân.
- ④ 暇^{ひま}だったら、手^て伝^{つだ}ってください。
Nếu rỗi thì giúp tôi một tay nhé.
- ⑤ いい天^{てん}気^きだったら、散^{さん}歩^ぽしませんか。
Nếu thời tiết đẹp thì bạn có đi bộ cùng tôi không?

2

V たら、～

khi, sau khi



ぶんぽう

使い方：

ngoài cách dùng thể hiện điều kiện, mẫu câu ~たら còn được dùng để thể hiện 1 hành động sẽ được thực hiện, hoặc 1 tình huống sẽ xảy ra khi 1 sự việc nào đó mà được cho là chắc chắn sẽ xảy ra trong tương lai được hoàn thành hoặc đạt được. Thì của mệnh đề chính luôn ở thời hiện tại

① 10時に なら、出かけましよう。

Chúng ta sẽ đi ra ngoài khi nào 10 giờ

② 家へ 帰ったら、すぐ シャワーを 浴びます。

Về nhà là tôi đi tắm ngay.

③ 何時ごろ 見学に 行きますか。

Khoảng mấy giờ thì đi tham quan?

…昼ご飯を 食べた、すぐ 行きます。

Sau khi ăn cơm trưa xong là đi ngay.

13

3

V て
A ちゃくて
A まで
N で
も、～

dù..., mặc dù..., cho dù... (cách nói mệnh đề ngược nghĩa)

使い方：

- thêm も sau て là có được một từ chỉ điều kiện nghịch.
- ngược với mẫu câu ~たら, mẫu câu ~ても dùng trong tình huống hy vọng một việc gì đó đương nhiên sẽ xảy ra trong điều kiện cho trước nhưng lại không xảy ra, hoặc kết quả xảy ra trái ngược với những gì đã kỳ vọng.



ぶんぽう



- ① スイッチを ^い入れても、^{きかい}機械が ^{うご}動きません。
Dù đã bật công tắc nhưng máy vẫn không chạy.

- ② ^{たか}高くても、この ^かパソコンを ^か買いたいです。
Mặc dù đắt nhưng tôi vẫn muốn mua cái radio-cassette này.

- ③ ^{しず}静かでも、^ね寝ることが ^{できません}できません。
Mặc dù yên tĩnh nhưng cũng không ngủ được.

- ④ ^{にちようび}日曜日でも、^{しごと}仕事を ^{します}します。
Mặc dù là chủ nhật nhưng vẫn làm việc.

13

4

もし & いくら

- 使い方：**
- **もし** được sử dụng trong mẫu câu ~たら、bao hàm ý nhấn mạnh về giả thuyết của người nói.
 - **いくら** được sử dụng trong mẫu câu ~ても(~でも), nhấn mạnh về mức độ điều kiện.



- ① **もし** ^{おくえん}1億円あったら、^{くに}いろいろな国を ^{りょこう}旅行したいです。
Giả sử, nếu có 100 triệu yên tôi muốn đi du lịch thật nhiều nước.

- ② **いくら** ^{かんが}考えても、わかりません。
Mặc dù có suy nghĩ bao nhiêu đi chăng nữa cũng chẳng hiểu được.

おわり